

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2018/KDTM-PT**

Ngày: 06/2/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ  
tư vấn đầu tư.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Thẩm phán* Ông Nguyễn Đình Tiến  
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 06 tháng 2 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 107/2017/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2017/QĐXX-PT ngày 18 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐ-HPT ngày 03/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC.

Trụ sở: Số 47 TDH, Phường TH, Quận CG, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đăng D, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH Du lịch và thương mại E

Trụ sở: Số 23 ngõ 466 phố HHT, Phường B, Quận TH, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh T, chức vụ: Giám đốc.

Do ông Phạm Thành T - Đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 20/11/2017).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC trình bày:**

Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC và Công ty TNHH Du lịch và thương mại E ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn số 001DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 về việc lập dự án đầu tư và thuê đất xây dựng. Theo hợp đồng Công ty E sẽ lập hồ sơ thực hiện các thủ tục lập dự án đầu tư xin giấy phép và thuê đất xây dựng nhà máy cơ khí sản xuất ống gió điều hòa tại xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội). Kèm theo đó là các nội dung chính bên nguyên đơn yêu cầu bên bị đơn phải thực hiện như lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ống gió điều hòa tại xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng mức đầu tư dự kiến 40 đến 50 tỷ đồng; bị đơn làm các thủ tục để nguyên đơn được thuê 20.000 m<sup>2</sup> đến 35.000 m<sup>2</sup> đất xây dựng nhà máy với thời hạn 50 năm, vị trí thuê đất ở mặt đường 48m cạnh khu vực nhà máy bia ĐNÁ trên địa bàn xã TV. Công ty E khẳng định có đủ năng lực và điều kiện về năng lực, điều kiện tài chính. Ngoài ra, tại biên bản thỏa thuận ngày 6/3/2008 hai bên thống nhất về các điều khoản tạm dừng, hủy bỏ hợp đồng, thưởng và phạt là 10% giá trị hợp đồng và việc bồi thường thiệt hại.

Ngày 19/9/2007, hai bên ký kết phụ lục hợp đồng để thay đổi một số điều khoản và quy định về tiến độ thực hiện của hợp đồng chính. Hai bên thỏa thuận rõ giá trị hợp đồng là tăng tiền khoán dịch vụ từ 40.000 đồng lên 45.000 đồng/m<sup>2</sup> đất thuê để làm nhà máy diện tích 30.000m<sup>2</sup>, thời hạn hợp đồng nâng từ 180 ngày thành 210 ngày (7 tháng) không kể thời gian đền bù giải phóng mặt bằng (thời gian thực hiện hợp đồng chỉ tính cho thời gian thủ tục, đến khi dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư và cho thuê đất), với sai số không quá 30 ngày. Cũng theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng về tiến độ thực hiện dự án ở giai đoạn 1 thời gian xin chấp thuận địa điểm đầu tư là 90 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC đã tạm ứng cho Công ty E số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện hợp đồng của Công ty E không đúng như thỏa thuận nên ngày 6/3/2008 hai bên đã lập biên bản thỏa thuận thống nhất nội dung chia 2 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Bên B cung cấp cho bên A văn bản chấp thuận đầu tư của tỉnh Vĩnh phúc trên diện tích 9500m<sup>2</sup> (0.95ha) trước ngày 15/3/2008 tại thỏa thuận trong hợp đồng.

- Giai đoạn 2: Bên B sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Địa điểm được cấp đất ngay cạnh vị trí của giai đoạn 1 với diện tích 01 đến 2 ha tùy theo điều kiện thực tế để phía bên A có đủ diện tích theo yêu cầu ban đầu từ 20.000 đến 35.000m<sup>2</sup> cho dự án. Bên A sẽ không đồng ý với vị trí nào khác ngoài vị trí đã thỏa thuận trong hợp đồng (thời gian thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày thực hiện xong giai đoạn 1).

Nếu bên B không thực hiện đúng cam kết thì hợp đồng sẽ bị hủy bỏ và bên B phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho bên A. Mặc dù vậy khi thời gian thực hiện công việc theo giai đoạn 1 đã hết. Công ty E vẫn không hoàn thành việc xin giấy phép đầu tư và cho thuê đất theo đúng cam kết. Ngày 27/5/2008, Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC có Công văn số 16/2008/CV đề nghị Công ty E thanh lý hợp đồng, hoàn trả tiền tạm ứng 600 triệu, thanh toán khoản tiền phạt 10% giá trị hợp đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu xuống còn 8% cho khoản tiền 1.350.000.000 đồng theo Phụ lục ký ngày 19/9/2007 là 108 triệu đồng. Đồng thời không tính bồi thường thông qua việc tính lãi theo lãi cho vay của Ngân hàng trong 9 năm. Tổng số tiền yêu cầu là 708.000.000 đồng.

#### **Bị đơn - Công ty TNHH Du lịch và thương mại E trình bày:**

Xác định hợp đồng dịch vụ tư vấn số 001DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 ký kết giữa hai bên là hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư có 2 nội dung công việc là Lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ống gió tại địa điểm xã TV, huyện ML, thành phố Hà Nội và nội dung thứ 2 là thuê đất để xây dựng nhà máy với diện tích đất tính ra giá trị là 45.000m<sup>2</sup> thuê, thời hạn thực hiện là 240 ngày tức là đến ngày 19/6/2008 hết hạn hợp đồng.

Công ty TNHH Du lịch và thương mại E đã thực hiện đầy đủ các công việc của giai đoạn 1. Việc không thực hiện được là do vi phạm của Công ty ĐC là không chứng minh được năng lực tài chính theo quy định. Về quá trình ký kết và nội dung hợp đồng như Công ty ĐC trình bày là đúng. Tại Điều IX của hợp đồng cũng quy định về trách nhiệm của các bên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của bên A (Công ty ĐC) phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến nước theo quy định hoặc phải chứng minh năng lực tài chính thì bên A có trách nhiệm thực hiện đúng tiến độ để bên B tiếp tục các thủ tục pháp lý tiếp theo cho dự án.

Sau khi ký kết hợp đồng Công ty TNHH Du lịch và thương mại E đã thực hiện được các công việc sau:

- Công ty ĐC đã có Bản cam kết số 05/BCK với nội dung “Đảm bảo nguồn vốn tự có là 30 tỷ đồng trước khi cấp giấy chứng nhận; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của nhà đầu tư theo Điều 21 Nghị định 108/CP; tuân thủ quy định về an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường.

- Lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí sản xuất ống gió điều hòa của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC tại xã TV, huyện ML, thành phố Hà Nội;

- Nộp hồ sơ dự án và các văn bản pháp lý có liên quan cho cơ quan ban ngành có chức năng của tỉnh Vĩnh Phúc (ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc);

- Làm việc với UBND xã TV để xin cấp trích lục bản đồ địa chính khu đất lập dự án.

- Làm thủ tục xin cấp bản đồ quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan ban ngành có liên quan tiến hành khảo sát thực địa vị trí đất để đề xuất xin lập nhà máy cơ khí - sản xuất ống gió điều hòa của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC tại xã TV, Huyện ML, Thành phố Hà Nội.

- Nghiên cứu chính sách của nhà nước, quy định của pháp luật, tình hình thực tế tại địa phương (địa điểm lập dự án), phân tích thông tin về mức đền bù, giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất hàng năm theo quy định.

- Địa điểm theo ủy quyền của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC liên hệ làm việc với các cơ quan chức năng có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí, sản xuất ống gió điều hòa tại xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vì vậy, bên Công ty E đã thực hiện hết trách nhiệm của mình theo đúng quy định trong hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư đã được ký kết giữa hai bên.

Về phía Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC đã vi phạm bản cam kết số 05/BCK-ĐC về việc không chứng minh được năng lực tài chính của mình, vi phạm nghiêm trọng các điều khoản trong hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa hai bên, cụ thể:

+ Ngày 8/10/2007 Công ty ĐC có cam kết số 05 với nội dung “ Năng lực tài chính - bảo đảm nguồn vốn đầu tư” và “ cam kết bảo vệ môi trường”;

+ Ngày 27/10/2007 Công ty E có văn bản giải trình “ trong đó có yêu cầu Công ty ĐC phải thực hiện đúng tiến độ được nêu tại Điều IX của hợp đồng về trách nhiệm của Công ty ĐC về năng lực tài chính cho dự án”.

+ Ngày 23/12/2007 Công ty E có văn bản yêu cầu Công ty ĐC chuẩn bị tài liệu chứng minh tài chính số tiền là 12 tỷ đồng để đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng;

+ Ngày 6/3/2008, Công ty ĐC đã soạn thảo biên bản yêu cầu Công ty E cam kết thực hiện đúng tiến độ dự án, lãnh đạo Công ty E đã yêu cầu Công ty ĐC thực hiện đúng cam kết.

+ Văn bản số 17/CV-E ngày 29/5/2008 tiếp tục yêu cầu Công ty ĐC chuẩn bị tài liệu chứng minh năng lực tài chính ( ông Lê Văn K- Cán bộ Công ty nhận văn bản).

+ Văn bản số 24/CV-E ngày 23/9/2008 tiếp tục yêu cầu Công ty cổ phần Kỹ Thuật ĐC chuẩn bị tài liệu chứng minh năng lực tài chính (có ông Lê Văn K ký nhận).

Bị đơn cho rằng Công ty ĐC đã vi phạm cam kết trong hợp đồng dẫn đến hậu quả của việc hai bên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng. Công ty E đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật để hoàn thành giai đoạn I như cam kết. Việc tạm ứng tiền 600 triệu đồng là hoàn toàn phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng. Việc Công ty ĐC khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty ĐC.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội đã xử:

*Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 312, Điều 314, Điều 316, Điều 301 Luật thương mại;*

*Căn cứ khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.*

*Xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC về việc hủy bỏ hợp đồng dịch vụ tư vấn số 001DVE/EU-HDDV ngày 19/9/2007 về việc lập dự án đầu tư và thuê đất xây dựng ký kết giữa hai bên.*

*2. Buộc Công ty TNHH Du lịch và thương mại E phải thanh toán cho Công ty cổ phần kỹ thuật ĐC số tiền 600.000.000 đồng;*

*3. Chấp nhận yêu cầu tiền phạt hợp đồng là 8% giá trị hợp đồng và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là 108.000.000 đồng;*

*4. Buộc Công ty TNHH Du lịch và thương mại E phải trả cho Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC số tiền 108.000.000 đồng tiền phạt hợp đồng.*

*Tổng cộng: 708.000.000 đồng.*

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 21 tháng 8 năm 2017 Công ty TNHH Du lịch và thương mại E có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn

khởi kiện của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC vì không có căn cứ, trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

Công ty TNHH Du lịch và thương mại E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC.

Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm và bác toàn bộ kháng cáo của Công ty TNHH Du lịch và thương mại E.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo 1 phần của Công ty TNHH Du lịch và thương mại E và sửa bản án sơ thẩm.

**XÉT THẤY:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự xuất trình và toà án thu thập được. Căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên toà;

**[1]. Về thủ tục tố tụng:**

- Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC và Công ty TNHH Du lịch và thương mại E là pháp nhân thành lập hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Thấy rằng Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Du lịch và thương mại E làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC và Công ty TNHH Du lịch và thương mại E theo hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư số 001 DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 và Phụ lục hợp đồng ngày 19/9/2007 ký kết giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư được quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung 2011 và khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ là đúng pháp luật.

**[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Du lịch và thương mại E, HĐXX thấy:**

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền theo hợp đồng tư vấn đầu tư:

Hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư số 001 DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 và Phụ lục hợp đồng ngày 19/9/2007 được ký kết giữa Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC và

Công ty TNHH Du lịch và thương mại E trên tinh thần hai bên tự thỏa thuận không trái pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Xét nội dung chính tại Hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư số 001 DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 mà hai bên đã thỏa thuận:

“Điều I: Nội dung công việc phải thực hiện:

Bên A giao thầu và ủy quyền cho bên B thực hiện các công việc sau:

- Lập hồ sơ, dự án đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí - sản xuất ống gió điều hòa tại xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc (với tổng mức đầu tư 40-50 tỷ đồng);

- Làm các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để bên A được thuê 20.000 đến 35.000m<sup>2</sup> đất xây dựng nhà máy với thời hạn 50 năm. (Vị trí xin thuê đất ở mặt đường 48m, cạnh khu vực nhà máy bia ĐNÁ trên địa bàn xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc).

- Nhà thầu bên B khẳng định rằng nhà thầu có đủ năng lực và điều kiện về: Tài chính, kiến thức, sự hiểu biết và các mối quan hệ với các ban ngành của nơi thực hiện dự án tại địa điểm: xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều II: Tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Ngày bắt đầu: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Ngày kết thúc: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều III: Giá trị kinh tế của hợp đồng:

Giá trị hợp đồng được hai bên thống nhất và khoán trọn gói là 40.000đ/1m<sup>2</sup>. Giá tạm tính cho hợp đồng là 800.000.000 đồng”.

Ngày 19/9/2007, hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng với nội dung chính như sau:

“+ Giá hợp đồng khoán dịch vụ là 45.000 đồng/m<sup>2</sup>;

+ Thời gian thực hiện hợp đồng là 210 ngày (7 tháng) không kể thời gian đền bù.

B. Tiến độ thực hiện dự án: (Có thể thay đổi theo thực tế nhưng vẫn đảm bảo tổng thời gian thực hiện hợp đồng và cho phép sai số 30 ngày).

- + Giai đoạn xin chấp thuận địa điểm đầu tư (90 ngày).

- + Giai đoạn quyết định giá và thỏa thuận đền bù (60 ngày).

- + Giai đoạn quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất (30 ngày)

- + Kế hoạch dự phòng 30 ngày”.

Ngày 06/3/2008 giữa Công ty ĐC và Công ty E ký kết Biên bản thỏa thuận với nội dung hợp đồng sẽ chia 2 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Bên B cung cấp cho bên A văn bản chấp thuận đầu tư của tỉnh Vĩnh Phúc trên diện tích 9.500m<sup>2</sup> (0.95ha) trước ngày 15/3/2008 tại địa điểm xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc (theo địa điểm thỏa thuận trong hợp đồng).

- Giai đoạn 2: Bên B sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Địa điểm được cấp đất ngay cạnh vị trí của giai đoạn 1 với diện tích từ 1-2ha tùy theo điều kiện thực tế. Để dự án của bên A có đủ diện tích theo yêu cầu ban đầu từ 20.000 đến 35.000m<sup>2</sup> cho dự án, Bên A sẽ không đồng ý vị trí khác ngoài vị trí đã thỏa thuận trong hợp đồng (thời gian thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ khi thực hiện xong giai đoạn 1).

- Nếu bên B không thực hiện theo đúng cam kết thì hợp đồng sẽ bị hủy bỏ và bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho bên A”.

Như vậy, theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư, phụ lục hợp đồng và biên bản thỏa thuận thì chậm nhất ngày 15/3/2008 Công ty E phải cung cấp cho Công ty ĐC văn bản chấp thuận của tỉnh Vĩnh Phúc và hợp đồng có thỏa thuận về điều khoản hủy bỏ hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty ĐC đã tạm ứng cho Công ty E tổng số tiền 600.000.000 đồng (ngày 20/9/2007 chuyển số tiền 10 triệu, ngày 28/9/2007 chuyển số tiền 190 triệu, ngày 01/11/2007 chuyển số tiền 200 triệu, ngày 3/12/2007 chuyển số tiền 200 triệu). Bị đơn cũng xác nhận đã nhận được số tiền này.

Theo Văn bản số 757/BQLKCN-QLDN ngày 8/6/2017 của Ban quản lý các Khu công nghiệp - Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phúc đáp văn bản của Tòa án nhân dân Quận TH đã xác nhận thì ngày 8/01/2008 có nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án xây dựng Nhà máy cơ khí ống gió và thiết bị điều hòa của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC tại xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC. Ban quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc có Văn bản số 131/BQLKCN-QLDN ngày 27/2/2008 về việc xin ý kiến về địa điểm đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí sản xuất ống gió và thiết bị điều hòa của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC để có cơ sở trình UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, Sở xây dựng Vĩnh Phúc không có văn bản trả lời do vậy không có cơ sở để giải quyết thủ tục đầu tư.

Tại Công văn số 2218/SXD-QHKT ngày 11/10/2013 của Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc trả lời Văn bản của Tòa án nhân dân Quận Tây Hồ ( Bút lục 143) đã xác định hiện tại Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc không lưu giữ bất cứ một loại giấy tờ nào liên quan đến dự án.

Tại Văn bản số 5863/SXD-TTr ngày 11/8/2014 của Sở xây dựng Thành phố Hà Nội (bút lục 162) trả lời Tòa án nhân dân Quận Tây Hồ đã xác định Sở xây dựng

Hà Nội không được bàn giao, tiếp nhận hồ sơ công trình cấp phép dự án xây dựng Nhà máy ống gió tại xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thành phố Hà Nội) của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC.

Theo văn bản trả lời từ các cơ quan chuyên môn của tỉnh Vĩnh Phúc và Thành phố Hà Nội liên quan đến dự án tại địa điểm xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc theo thỏa thuận của hai bên mới chỉ xác nhận ngày 8/01/2008 Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc có nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án xây dựng Nhà máy cơ khí ống gió và thiết bị điều hòa của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC tại xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy, tính đến ngày 15/3/2008 thì Công ty E không cung cấp được văn bản chấp thuận của tỉnh Vĩnh Phúc cho Công ty ĐC tại địa điểm xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc theo như thỏa thuận giữa hai bên. Căn cứ theo Biên bản thỏa thuận ngày 6/3/2008 thì hợp đồng sẽ hủy bỏ và Công ty E phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty ĐC.

Về ý kiến của Công ty ĐC, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ theo Điều 9 của Hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư số 001 DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 hai bên thỏa thuận về việc bên A phải nộp các khoản tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định hoặc phải chứng minh năng lực tài chính.

Hơn nữa, theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2005 và điểm b khoản 1 Điều 44 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì hồ sơ đăng ký đầu tư phải có báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm). Việc Công ty ĐC không cung cấp báo cáo năng lực tài chính theo đề nghị của Công ty E là có 1 phần lỗi.

Tuy nhiên, việc Công ty E cho rằng Công ty ĐC không cung cấp hồ sơ năng lực tài chính nên Công ty E không thể cung cấp được Giấy chứng nhận đầu tư là chưa phù hợp bởi trong hồ sơ vụ án không có bất cứ tài liệu nào của cơ quan chuyên môn tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu Công ty ĐC phải bổ sung tài liệu là báo cáo năng lực tài chính liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận đầu tư của dự án. Tại thời điểm gửi các văn bản yêu cầu cung cấp hồ sơ năng lực tài chính (theo văn bản số 17/CV-EU ngày 29/5/2008 của Công ty E) tức là đã sau thời điểm cam kết ngày 15/3/2008 tại biên bản thỏa thuận ngày 6/3/2008 phải cung cấp được văn bản chấp thuận của tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy, việc hợp đồng dịch vụ tư vấn số 001DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 về việc lập dự án đầu tư và thuê đất xây dựng ký kết giữa hai bên không thực hiện được là do lỗi của hai bên. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm hai bên không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía Công ty E cho rằng đã thực hiện 1 số phần việc liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư của dự án tại địa điểm xã TV, huyện ML, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty E đối với Công ty ĐC về việc hủy bỏ hợp đồng ký kết giữa hai bên và phải thanh toán số tiền 600.000.000 đồng đã nhận theo thỏa thuận ký kết giữa hai bên là có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên.

- 2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc phạt hợp đồng:

Căn cứ Điều VIII Hợp đồng dịch vụ tư vấn đầu tư số 001 DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 hai bên thỏa thuận: “Quy định phạt là 10% giá trị hợp đồng khi 1 trong 2 bên tham gia hợp đồng vi phạm các điều khoản cam kết”. Thỏa thuận về mức lãi phạt này của hai bên là trái quy định tại Điều 301 Luật thương mại năm 2005 nên vô hiệu. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn vì vậy cần sửa lại phần này của án sơ thẩm.

- Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm như sau: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 10/8/2017 thì Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có hiệu lực. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 là thiếu sót.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Bởi những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không thể chấp nhận những nội dung kháng cáo của Công ty TNHH Du lịch và thương mại E.

**[3]. Về án phí:** Công ty TNHH Du lịch và thương mại E phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC được chấp nhận.

Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 108.000.000 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên Công ty TNHH Du lịch và thương mại E không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, b khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 375, Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 301, Điều 312, Điều 314, Điều 316 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b, tiết 1.4 khoản II mục A - danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

### **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC đối với Công ty TNHH Du lịch và thương mại E.

2. Hủy bỏ hợp đồng dịch vụ tư vấn số 001DVE/EU-HĐDV ngày 19/9/2007 về việc lập dự án đầu tư và thuê đất xây dựng ký kết giữa hai bên.

3. Buộc Công ty TNHH Du lịch và thương mại E phải thanh toán cho Công ty cổ phần kỹ thuật ĐC số tiền 600.000.000 đồng;

4. Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền phạt hợp đồng của Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC đối với Công ty TNHH Du lịch và thương mại E.

5. Về án phí: Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC phải chịu 5.400.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ số tiền 21.529.500 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007279 ngày 18/7/2011 thì Công ty cổ phần Kỹ thuật ĐC được hoàn lại số tiền là 16.129.500 đồng án phí.

Công ty TNHH Du lịch và thương mại E phải chịu 28.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06306 ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội thì Công ty TNHH Du lịch và thương mại E còn phải chịu 26.000.000 đồng án phí.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn xin thi hành án, nếu bên phải thanh toán chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06/02/2018.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND Quận Tây Hồ;
- Chi Cục THADS Quận Tây Hồ;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THÁI SƠN**